

Bài 15: Bình Ngô Đại Cáo

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Nguyễn Trãi (1380-1442) là người làng Nhị Khê, huyện Thượng Phúc hay là phủ Thường Tín, tỉnh Hà Đông. Ông đậu thái học sinh năm 21 tuổi dưới đời Hồ Quý Ly. Khi quân nhà Minh sang đánh chiếm nước ta, cha ông là Nguyễn Phi Khanh bị giặc bắt đưa về Kim Lăng, ông theo cha đến ả Nam Quan, nhưng cha ông khuyên ông trở về lo việc phục quốc, trả nợ nước thù nhà hơn là đi theo bên tù xa mà khóc lóc. Ông nghe lời cha, trở về tìm giúp vua Lê Lợi đánh quân Minh. Suốt 10 năm, ông luôn ở cạnh vua Lê Thái Tổ làm quân sư. Đến khi bình định xong, ông được liệt vào hạng đệ nhất khai quốc công thần và được lấy họ vua nên thường gọi là Lê Trãi. Ông lại được phong hầu và sung chức Nhập Nội Hành Khiển.

Năm 60 tuổi ông về trí sĩ ở Côn Sơn, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương. Năm 1442, ông mắc phải cái án Thị Lộ, bị giết cùng với cả họ. Nguyên Thị Lộ là tiểu thiếp của ông vì có nhan sắc nên được vua Lê Thái Tông để ý, vờ vào cung để cho hầu cận. Nhân một buổi kia đi tuần, vua nghỉ lại vườn Lệ Chi, và có lẽ vì tử sắc quá nên mệt nhọc băng hà trong đêm ấy, có Thị Lộ ở bên cạnh. Triều thần có nhiều người ghét Nguyễn Trãi, nên gán cho Nguyễn Trãi cái tội ghê gớm là mượn tay Thị Lộ giết vua để làm phản. Nguyễn Trãi bị giết, cả họ bị tru di; khi ấy ông được 63 tuổi.

Về sau vua Lê Thánh Tông nhận thấy cái oan của Nguyễn Trãi nên lập đền thờ, phục chức cho vị công thần quá cố, và sai người đi tìm con cháu còn sống sót để cho ra làm quan.

Tác Phẩm

Trong khi giúp vua Lê Lợi, ông có viết nhiều thư từ gửi cho quân Minh, hoặc nhiều bài hịch tướng sĩ, tất cả đều góp lại làm bộ *Quân Trung Từ Mệnh Tập*. Khi bình định xong ông dùng tài văn chương để ca tụng công nghiệp khai sáng của vua Lê trong bài *Bình Ngô Đại Cáo* và cuốn *Lam Sơn Thực Lục*. Ông còn khảo cứu về sử ký, địa dư, viết những tác phẩm như *Dư Địa Chí*, *Bảng Hồ Di Sự Lục*. Ông lại thường ngâm vịnh, các bài thơ đều góp lại trong *Ức Trai Thi Tập*.

Hiện nay tất cả những tác phẩm kể trên đều gồm cả trong *Ức Trai Tập* chia làm 6 quyển.

Về văn Nôm, Nguyễn Trãi có một *Quốc Âm Tập* nhưng không còn truyền lại, nay chỉ còn bài thơ *Hỏi Á Bán Chiếu* (Thị Lộ) và tập *Gia Huấn Ca* mà có người nghi ngờ rằng không phải là của ông.

BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO

Hoàn Cảnh Ra Đời

Tháng giêng năm 1428, nước Việt đã hoàn toàn chiến thắng giặc Minh. Lê Lợi lên ngôi vua và cử Nguyễn Trãi viết bài cáo này để báo cho toàn dân biết về sự nghiệp kháng chiến thành công của nghĩa quân Lam Sơn và nêu cao khát vọng xây dựng đất nước.

BÀI DỊCH NGHĨA

Bình Ngô Đại Cáo

Tượng mảng:

Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân, *quân điếu phạt* chỉ vì khừ bạo. Như nước Việt ta từ trước vốn xưng văn hiến đã lâu. Sơn hà cương vực đã chia, phong tục Bắc Nam cũng khác. Từ Đinh, Lê, Lý, Trần, gây nên độc lập, cùng Hán, Đường, Tống, Nguyên, hùng cứ một phương. Dẫu cường nhược có lúc khác nhau, song hào kiệt đời nào cũng có.

Vậy nên:

Lưu Cung sợ uy mắt vĩa; Triệu Oai nghe tiếng giật mình. Cửa Hàm Tử giết tươi Toa Đô, sông Bạch Đằng bắt sống Ô Mã. Xét xem cổ tích, đã có *minh trung*.

Vừa rồi:

Vì họ Hồ chính sự phiến hà, để trong nước nhân dân oán hận. Quân cường Minh đã thừa *cơ tứ ngược*, bọn gian tà còn bán nước cầu vinh. Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn, vùi *con đỏ* xuống dưới hầm tai vạ. Chước đối đủ muôn nghìn khước, ác chứa ngót hai mươi năm. Bại nhân nghĩa nát cả *càn khôn*, nặng khóa liềm vết không sơn trạch.

Nào lên rừng đào mỏ, nào xuống bể mò châu, nào hồ bẫy *hươu đen*, nào lưới dò *chim trả*. Tàn hại cả côn trùng, thảo mộc, neho nhóc thay! *Quan quả diên liên*. Kẻ há miệng, đũa nhe răng, máu mỡ bấy! No nên chữa chán. Nay xây nhà, mai đắp đất, chân tay nào phục dịch cho vừa. Nặng nề những nỗi phu phen, bắt bó mắt cả nghề canh cửi. Độc ác thay! Trúc rừng không ghi hết tội. Dơ bẩn thay! Nước bể không rửa sạch mùi. Lẽ nào trời đất tha cho, ai bảo thần nhân nhịn được.

Ta đây:

Núi Lam Sơn dậy nghĩa, chôn hoang dã nương mình. Ngắm non sông căm nỗi *thề thù*, thề sống chết cùng quân nghịch tặc. Đau lòng, nhức óc, chốc là mười mấy nắng mưa, nếm mật nằm gai, há phải một hai sớm tối. Quên ăn vì giận, sách lược thao suy xét đã tinh, ngầm trước đến nay, lẽ hưng phế đắn đo càng kỹ. Những trăn trở trong cơn mộng寐, chỉ bản khoán một nỗi *đồ hỏi*. Vừa khi cờ nghĩa dấy lên, chính lúc quân thù đang thịnh.

Lại ngặt vì:

Tuần kiệt như sao buổi sớm, nhân tài như lá mùa thu. Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đầu, nơi duy ác hiểm người bàn bạc. Đôi phen vùng vẫy, vẫn dăm dăm *con mắt dục đông*; mấy thuở đợi chờ, luống dằng dặc *cỗ xe hư tả*. Thế mà trông người người đều vắng ngắt, vẫn mịt mù như kẻ *vọng dương*, thế mà tự ta, ta phải lo toan, thêm vôi vữa như khi *chỉnh nịch*. Phần thì giận hung đồ ngang dọc, phần thì lo quốc bộ khó khăn. Khi *Linh Sơn* lương hết mấy tuần, khi *Khôi Huyện* quân không một đội. Có lẽ trời muôn trao cho gánh nặng, bắt trải qua bách chiết thiên ma, cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử. Múa đầu gây ngọn cờ phát phối, ngóng *vân nghệ* bốn cõi *đan hồ*, mở tiệc quân chén rượu ngọt ngào, khắp tướng sĩ một lòng phụ tử. Thế giặc mạnh, ta yếu mà ta địch nổi, quân giặc nhiều ta ít mà ta được luôn.

Dọn hay:

Đem đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường bạo. Trận Bồ Đằng sấm vang sét dậy, miền *Trà Lân* trúc phá tro bay. Sĩ khí đã hăng, quân thanh càng mạnh. Trần Trí, Sơn Thọ mất vía chạy tan; Phương Chính, Lý An tìm đường trốn tránh. Đánh *Tây Kinh* phá tan thế giặc, lấy *Đông Đô* thu lại cõi xưa. Dưới *Ninh Kiều* máu chảy thành sông, bên *Tụy Động* xác đầy ngoài nội. Trần Hiệp đã thiệt mạng, Lý Lương lại phơi thây. Vương Thông hết cấp lo lường, Mã Anh khôn đường cứu đỡ. Nó đã trí cùng lực kiệt, bó tay không biết tính sao, ta đây mưu phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất.

Tướng nó đã thay lòng đổi dạ, biết lẽ tới lui, ngờ đâu còn kiếm kế tìm phương, gây mầm tội nghiệt. Cậy mình là phải, chỉ quen đổ vạ cho người, tham công một thời, chẳng bỏ bày trò nơ nhuốc. Đến nỗi đưa trẻ con như *Tuyên Đức*, nhằm võ không thôi, lại sai đồ nhút nhát Thanh, Thăng, đem dầu chữa cháy. Năm Đinh Mùi tháng chín, Liễu Thăng từ Khâu Ôn tiến sang, Mộc Thạnh từ Vân Nam kéo đến. Ta đã điều binh thủ hiểm, để ngăn lối Bắc quân, ta lại sai tướng chẹn ngang, để tuyệt đường lương đạo. Mười tám, Liễu Thăng thua ở *Chi Lăng*, hai mươi Liễu Thăng chết ở Mã Yên. Hai mươi lăm, Lương Minh trận vong, hai mươi tám Lý Khánh tự vẫn. Lưỡi dao ta đang sắc, ngọn dáo giặc phải lụi. Lại thêm quân bốn mặt vây thành, hện đến rầm tháng mười diệt tặc. Sĩ tốt ra oai *tì hổ*, thần thú đủ mặt *trảo nha*. Gươm mài đá, đá núi cũng mòn, voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kinh ngạc, đánh hai trận tan tác chim muông. Con gió to trút sạch lá khô, tổ kiến hồng sụt toang đê cũ. Thôi Tụ phải quỳ mà xin lỗi, Hoàng Phúc tự trói để ra hàng. Lạng Giang, Lạng Sơn, thầy chết đầy đồng. *Xương Giang*, *Bình Than* máu trôi đỏ nước. Ghê gớm thay! Sắc phong vân phải đổi. Thảm đạm thay! Sáng nhật nguyệt phải mờ. Binh Vân Nam nghẽn ở *Lê Hoa*, sợ mà mất mật. Quân Mộc Thạnh tan

chung *Cần Trạm*, chạy để thoát thân. Suối máu Lãnh Câu nước sông rền rĩ, thành xương Đan Xá, cỏ nội đầm đìa. Hai mặt cứu binh, cắm đầu trốn chạy, các thành cùng khấu, cõi giáp xuống đầu. Bất tướng giặc mang về, nó đến bể chưa thôi trống ngực, Vương Thông Mã Anh phát cho vài nghìn cỗ ngựa, về đến Tàu còn đổ mồ hôi.

Nó đã sợ chết cầu hòa, mở lòng thú phục, ta muốn toàn quân làm cốt, cả nước nghỉ ngơi. Thế mới là mưu kế thật khôn, vả lại suốt xưa nay chưa có. Giang san từ đây mở mặt, xã tắc từ đây vững bền. Nhật nguyệt hời mà lại minh, kiền khôn bĩ mà lại thái. Nên vạn thế xây nên chẵn chẵn, then nghìn thu rửa sạch lầu lầu, thế là nhờ trời đất, tổ tông khôn thiêng giúp đỡ cho nước ta vậy.

Than ôi! Vẫy vùng một mảnh nhưng y, nên công đại định. Phẳng lặng bốn bề *thái vũ*, mở hội *vĩnh thanh*. Bá cáo xa gần ngỏ cùng nghe biết.

Bùi Kỷ dịch

Chú ý: Bài này nguyên văn bằng chữ Hán do cụ Bùi Kỷ dịch ra quốc âm đăng trong tập sách *Quốc Văn Cự Thể* của cụ.

Chú Thích

- Cáo:** Bài của vua tuyên bố một chủ nghĩa hay kết quả một công cuộc gì cho dân trong nước được biết.
- Tượng mảng:** Tượng nghe (hai chữ thường dùng để lên đầu một bài cáo).
- Quân điếu phạt:** Quân hỏi tội, trừ nghịch.
- Minh Trưng:** Chúng có rõ ràng.
- Tứ ngược:** (*Tứ*: buông tha; *ngược*: bạo ngược) buông tha lòng bạo ngược.
- Con đở:** (Xích tử): Tiếng để chỉ hạng dân gian.
- Càn khôn:** (Quẻ *càn* ứng vào trời, quẻ *khôn* ứng vào đất) trời đất.
- Hươu đen, chim trả:**
(Do chữ *huyền lộc*), *chim trả* (*thúy cầm*): những vật hiếm ở trên rừng.
- Quan quả diên liên:**
(*Quan*: người góa vợ; *quả*: người góa chồng, *diên liên*: kẻ không nơi nương tựa) tình cảnh long đong cô cút.
- Thế thù:** Thù lớn.
- Đồ hồi:** Khôi phục.
- Con mắt dục đông:**
Chỉ sự mong mỏi đánh về Đông Đô.
- Cỗ xe hư tả:** Cỗ xe để trống bên tả để cầu người hiền qua giúp nước.
- Vọng dương:** Trông ra bề mà chẳng thấy gì.
- Chừng nịch:** Vót người chết đuối.
- Linh Sơn:** Núi Chí Linh ở Thanh Hóa.
- Khôi Huyện:** Ở thượng du Thanh Hóa.
- Vân nghệ:** (*Vân*: mây; *nghê*: mông). Lấy chữ trong sách Mạnh Tử: *Nhược đại hạn chi vọng vân nghệ* (như lúc đại hạn mà trông mây và cầu vòng). Ý nói: Trong lúc loạn lạc mong cảnh thái bình.
- Đan hồ:** Rợ Đan, rợ Hồ, chỉ chỗ xa xôi.
- Trà Lân:** (Trà Long) thuộc phủ Tương Dương, Nghệ An.
- Tây Kinh:** Thanh Hóa.
- Đông Đô:** Thành Thăng Long.
- Ninh Kiều:** (Ninh Giang: sông Đà) thuộc huyện Từ Liêm và Thanh Oai ở khoảng sông Đà và sông Nhuệ Giang.
- Tụy Động, Chúc Động:**
Ở huyện Chương Mỹ, phía đông có sông Đáy, phía tây có sông Bùi chảy vào chỗ ngã Ba Thá.
- Tuyên Đức:** Tên vua nhà Minh.

Chi Lăng: Gàn Lạng Sơn.
Tì hổ: Hùm beo.
Trảo nha: (Nanh vuốt) tướng sĩ hùng mạnh.
Xương Giang: Phủ Lạng Thương ngày nay.
Bình Than: Sơn Tây.
Lê Hoa, Càn Trạm:
Gàn Lao Kay.
Thái vũ: Phẳng lặng, yên tĩnh.
Vĩnh thanh: Thái bình.

Đại Ý

Bài này lấy lời vua Lê Lợi báo cáo cho dân chúng biết giặc già đã chằm dút, thái bình đã trở lại và kể rõ công cuộc bình định từ lúc bắt đầu khó khăn cho đến khi thắng lợi.

Giải Thích Và Phê Bình

Bố Cục:

Bài này chia ra làm 5 đoạn:

1. *Việc nhân nghĩa .. minh trung:* Đoạn mở đầu, nhắc lại lịch sử oai hùng của nước Việt Nam tự nghìn xưa.
2. *Vừa rồi .. nhin được:* Kể tội quân Minh và tả nỗi khổ của dân chúng trong thời kỳ thuộc Minh.
3. *Ta đây .. được luôn:* Những nỗi gian nan của nhà vua trong buổi mới dấy nghiệp.
4. *Dọn hay .. nước ta vậy:* Thời kỳ thắng lợi.
 - *Dọn hay .. chịu khuất:* Khắc phục Tây Kinh và Đông Đô.
 - *Tướng nó .. đổ mồ hôi:* Đánh tan quân tiếp viện của Liễu Thăng và Mộc Thạnh, giải phóng được đất nước.
 - *Nó đã... nước ta vậy:* Kết thúc việc binh đao và đem lại hòa bình độc lập.
5. *Than ôi... nghe biết:* Đoạn kết thúc. Báo cáo việc thành công đại định, hòa bình đã trở lại cho hết thảy dân chúng được biết.

Nội Dung

Bài này làm theo *tứ lục* tức là một lối văn có đối mà không có vần. Trong mỗi câu thường có một vế bốn chữ, tiếp đến một vế sáu chữ nên gọi là tứ lục. Nhưng các văn sĩ xưa cũng không câu nệ về số chữ trong câu, cứ tùy nghi đặt câu dài ngắn, chỉ cốt lấy đối mà thôi, nên tứ lục cũng thường gọi là văn *biền ngẫu*.

Đoạn mạch bài ***Bình Ngô Đại Cáo*** rất dễ dàng tự nhiên mà cũng rất khít khao chặt chẽ. Mở đầu rất nghiêm trang trọng thể, nhắc đến lịch sử oai hùng của nước Việt Nam văn hiến, từ xưa hiên ngang hùng cứ một phương, đã sản xuất ra bao nhiêu anh hùng hào kiệt, làm cho nước láng giềng phương Bắc phải kính nể.

Trong đoạn thứ hai, tác giả trình bày cái cảnh non sông bị chà đạp, dân chúng phải lầm than nheo nhóc vì sự tham tàn của quân Minh, cảnh ấy đem đối chiếu với dĩ vãng huy hoàng oanh liệt tất phải làm cho mọi người căm giận, hùng khí của giống nòi phải sôi nổi, làm cho ta thấy rõ cuộc khởi nghĩa là một điều cần thiết, thuận lòng trời, hợp với lòng người. Vua Lê Lợi chính là vị anh hùng mà đất nước đang mong đợi. Cái công trình vĩ đại của ngài, tác giả muốn cho ta hiểu rằng đó là một cử chỉ hào hùng của một kẻ hậu sinh, muốn xứng đáng với các bậc sinh tiền, nên đứng dậy rửa sạch cho giang san một vết nhơ thiên cổ.

Ý tứ đã giàn vững vàng như thế, bắt đầu từ đoạn thứ ba, tác giả kể lại công việc kháng chiến, từ khi còn lẩn lút gian nan, đến khi thắng lợi hoàn toàn; hơi văn đi một mạch cho đến đoạn kết thúc; đoạn này cũng uy nghi chững chạc không kém gì đoạn mở đầu. Chỉ đọc một bài ***Bình Ngô Đại Cáo***, nhìn thấy bố cục phân minh, ý tứ chuyển tiếp khéo léo và hợp lý, gói mở tinh tường, đoạn ngắn, đoạn dài cân đối, ta cũng đủ nhận thấy cái văn nghệ cao cường và nhất là cái bản ngã điều hòa và vững chắc của tác giả.

Lời văn lại luôn luôn đi sát nguồn cảm xúc, diễn đạt trung thành tình ý của tác giả. Trong đoạn đầu lời văn bình thản và trang nghiêm, vạch lại lịch sử oai hùng của đất nước. Đoạn hai là đoạn kể tội quân Minh, nên câu văn rút ngắn chữ dùng như nguyên rửa nặng nề:

“Quân cường Minh thừa cơ tứ ngược, bọn gian tà bán nước cầu vinh... Bại nhân nghĩa nát cả càn khôn, nặng khóa liêm lét không sơn trạch.”

Giọng văn thật uất ức căm hờn ghê tởm, như than van:

“Kẻ há miệng, đưa nhe răng, máu mỡ bấy! No nê chưa chán, nay xây nhà mai đập đất, chân tay nào phục dịch cho vừa.”

Ta cảm thấy cả một luồng nội khí đang ngấm ngấm lay chuyển toàn khối dân tộc.

Trong buổi đầu mới khởi nghĩa, vì lâm cảnh gian nan nên giọng văn diễn tả được cái tâm trạng băng khuâng mênh mang trong cảnh chờ đợi của một kẻ anh hùng:

“Tuần kiệt như sao buổi sớm, nhân tài như lá mùa thu. Việc bôn tẩu thiếu kẻ đỡ đầu, nơi duy ác hiểm người bàn bạc...”

Tuy vậy lòng tin tưởng không bao giờ sút kém.

“Có lẽ trời muốn trao cho gánh nặng, bắt phải trải qua bách chiến thiên ma, cho nên ta cố gắng gan bền, chấp hết cả nhất sinh thập tử”.

Nhưng khi thời cơ đã đến, người anh hùng mặc sức tung hoành, ta nhận thấy lời văn bỗng trở nên dũng mạnh để diễn tả cái cảnh toàn quân hùng hổ, nộ khí xung thiên, thế lực như vũ bão, đi đến đâu đánh bạt quân thù đến đấy:

“Trận Bồ Đằng sấm vang sét dậy, miền Trà Lân trúc phá tro bay...”

Giọng văn như gươm thét lòng lộn, hơi văn hùng dũng tới tấp, hình dung được ngọn lửa binh đang bùng bùng tàn phá quân địch, làm cho chúng rơi rụng tan tác như cỏ lá, chim muông:

*“Mười tám Liễu Thăng thua ở Chi Lăng
Hai mươi Liễu Thăng chết ở Mã Yên.
Hai mươi lăm Lương Minh trận vong
Hai mươi tám Lý Khánh tự vẫn”.*

“Guom mài đá, đá núi cũng mòn, voi uống nước, nước sông phải cạn. Đánh một trận sạch không kinh ngạc, đánh hai trận tan tác chim muông”.

Đến khi bình định xong, quân thù đã quét sạch, bầu trời thái bình đã mở rộng, giọng văn lại trở nên ôn hòa, điềm đạm, câu văn rộng rãi, nhịp điệu khoan thai, như báo trước một đoạn đường tương lai xán lạn.

Kết Luận

Bài **Bình Ngô Đại Cáo** đã cho ta thấy rõ lòng ái quốc, chí khí hào hùng, nhẫn nại, cương quyết của người xưa trong công cuộc tranh thủ độc lập cho đất nước. Mở đầu thì trang nghiêm, kết thúc thì chính đôn, ý tứ quán xuyên không có đoạn nào rời rạc buông thả, nhịp điệu câu văn khi điềm đạm ôn hòa, khi rạt rào dũng mãnh, lời lẽ khí khái hiên ngang, thật là một áng văn bất hủ, rất xứng đáng với các danh hiệu *“thiên cổ hùng văn”* mà người đời trước có gán cho vậy.

